

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 38
Phụ lục 1 – Vay và nợ ngắn hạn	39 - 41
Phụ lục 2 – Vay và nợ dài hạn	42 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các lần đăng ký thay đổi sau đó như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số Giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 VND và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Văn phòng và nhà máy của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (058) 3727 243
Email: detnhatrang@dng.vnn.vn

Fax: (058) 3727 227
Website: <http://www.detnhatrang.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc Công ty

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 54 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại TP. Hà Nội

Địa chỉ: 378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Hiện chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

Cửa hàng Centex

Địa chỉ: 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 3.325 người (31/12/2013: 3.124 người).



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty con

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Trụ sở chính của KPI đặt tại số 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	25/04/2013	-
Ông Lê Ngọc Hoan	Ủy viên	25/04/2013	-
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	25/04/2013	-
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	25/04/2013	-
Bà Nguyễn Thị Liên	Ủy viên	15/07/2013	-

Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Duy Nhơn	Trưởng ban	25/04/2013	-
Ông Trần Hiệp	Ủy viên	25/04/2013	-
Bà Lê Thị Tú Anh	Ủy viên	25/04/2013	-

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Ngọc Hoan	Tổng Giám đốc	11/12/2009	09/06/2014
Ông Võ Đình Hùng	Tổng Giám đốc	09/06/2014	-
Ông Võ Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	29/12/2010	09/06/2014
Ông Lê Quang Diệu	Phó Tổng Giám đốc	06/07/2006	-
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	12/12/2012	-
Ông Phan Kiệt	Giám đốc điều hành	01/01/2012	-

Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Kế toán trưởng	01/07/2011	-

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

344
ĐƠN
NHIỆM
VỀ
VIỆ
TP. T

4. Sự kiện quan trọng trong năm

Chuyển nhượng tài sản thế chấp – cơ cấu lại các khoản nợ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 94/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 05 năm 2014, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng các tài sản thế chấp cho ngân hàng liên quan đến các khoản vay trung và dài hạn về Tổng Công ty cổ phần Phong Phú ("Công ty mẹ") dưới hình thức hợp đồng chuyển nhượng để cơ cấu lại các khoản nợ; đồng thời, Công ty thuê lại toàn bộ tài sản chuyển nhượng này để tổ chức sản xuất kinh doanh. Các tài sản được chuyển nhượng và thuê lại có giá trị ghi sổ là 319,6 tỷ đồng, bao gồm:

- Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc;
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam và thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3;
- Máy dệt kim thuộc Nhà máy dệt nhuộm; và
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và Nhà máy sợi 2.

Chuyển nhượng các khoản đầu tư

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 12 tháng 06 năm 2014, Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn sau:

- Chuyển nhượng 493.222 cổ phần tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam với mức giá 17.200 VND/cổ phần.
- Chấp thuận thoái vốn 503.300 cổ phần tại Ngân hàng TM cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB) với giá bán không thấp hơn 13.200 VND/cổ phần.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ

399

T
NH
TOÁ
T NI

OC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

8. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2015

S. C.
Y
U H A
N
M
H I M P

Số: 221/2015/BCKT-HCM.00562

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2015, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 19 tháng 02 năm 2014.



BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

A blue handwritten signature in cursive script, positioned above a horizontal line.

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.723.941.542	325.038.913.650
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.960.960.674	3.239.218.629
Tiền	111		1.960.960.674	3.239.218.629
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.442.240.000	23.787.920.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	20.245.333.720	28.986.237.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	4.3	(3.803.093.720)	(5.198.317.000)
Các khoản phải thu	130		109.803.777.698	92.769.588.496
Phải thu khách hàng	131	4.4	72.677.752.066	88.990.949.033
Trá trước cho người bán	132	4.5	36.939.023.559	2.558.703.626
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.6	2.364.010.397	3.407.229.174
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.7	(2.177.008.324)	(2.187.293.337)
Hàng tồn kho	140		217.655.681.156	204.448.978.306
Hàng tồn kho	141	4.8	217.655.681.156	204.448.978.306
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.861.282.014	793.208.219
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.790.187.141	775.408.219
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.21	7.094.873	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.10	64.000.000	17.800.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.783.825.503	492.955.497.554
Các khoản phải thu dài hạn	210		112.273.644.191	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	4.11	112.273.644.191	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		142.936.063.101	480.789.684.675
Tài sản cố định hữu hình	221	4.12	136.184.574.036	472.169.692.817
Nguyên giá	222		565.855.404.381	916.567.423.827
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(429.670.830.345)	(444.397.731.010)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.13	5.203.848.164	-
Nguyên giá	225		5.542.560.188	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(338.712.024)	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.14	1.547.640.901	8.619.991.858
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.528.915.000	5.528.915.000
Đầu tư vào công ty con	251	4.15	4.362.000.000	4.362.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.16	1.166.915.000	1.166.915.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.045.203.211	6.636.897.879
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.17	1.728.555.322	6.602.410.389
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	137.950.066	34.487.490
Tài sản dài hạn khác	268	4.18	178.697.823	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		610.507.767.045	817.994.411.204

0044
CÔNG
NH
TIẾM
C VIỆ
- TP.1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		378.582.802.756	582.722.212.257
Nợ ngắn hạn	310		370.435.469.415	389.861.961.648
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.19	273.172.398.263	272.372.882.213
Phải trả cho người bán	312	4.20	58.634.505.661	74.179.602.896
Người mua trả tiền trước	313		39.723.206	21.551.120
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.21	5.738.362.384	1.983.259.100
Phải trả công nhân viên	315		25.453.965.542	34.601.855.281
Chi phí phải trả	316	4.22	2.996.102.050	925.344.083
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.23	3.219.969.439	4.352.025.318
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.24	1.180.442.870	1.425.441.637
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		8.147.333.341	192.860.250.609
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.25	8.147.333.341	192.860.250.609
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		231.924.964.289	235.272.198.947
Vốn chủ sở hữu	410	4.26	231.924.964.289	235.272.198.947
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(11.015.000.000)	(11.015.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		21.974.036.900	11.974.036.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		41.626.759	41.626.759
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		35.924.300.630	49.271.535.288
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		610.507.767.045	817.994.411.204

8995

CÔNG TY
NHỮU
TOÁN
T NHA
ĐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		319.602.531.000	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		260.102.847	260.102.847
Ngoại tệ các loại	4.1		
Dollar Mỹ (USD)		26.330,42	101.959,24
Euro (EUR)		2,86	2,86
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

ngau

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

nam

HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vinh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.354.891.039.198	1.304.674.186.300
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		149.606.489	8.445.455
Doanh thu thuần	10	5.1	1.354.741.432.709	1.304.665.740.845
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.258.630.827.045	1.166.951.304.846
Lợi nhuận gộp	20		96.110.605.664	137.714.435.999
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.779.068.264	4.899.916.652
Chi phí tài chính	22	5.4	29.117.617.900	52.135.448.293
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		26.268.996.043	46.756.457.477
Chi phí bán hàng	24	5.5	8.800.014.564	8.836.040.108
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	30.299.733.452	36.207.393.345
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		34.672.308.012	45.435.470.905
Thu nhập khác	31	5.7	320.039.571.677	573.834.293
Chi phí khác	32	5.8	320.408.742.912	403.715.256
Lợi nhuận khác	40		(369.171.235)	170.119.037
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.303.136.777	45.605.589.942
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	6.565.180.286	4.451.423.707
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.10	(103.462.576)	(34.487.490)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.841.419.067	41.188.653.725
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.591	2.354

ngiael

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

ngiael

HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	34.303.136.777	45.605.589.942
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.401.507.485	44.201.780.472
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(1.405.508.293)	2.492.531.578
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	822.303.932	(42.077.059)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.790.704.474)	(1.904.372.794)
Chi phí lãi vay	06	26.268.996.043	46.756.457.477
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	86.599.731.470	137.109.909.616
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(137.721.747.466)	73.076.189.909
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(18.947.375.001)	(36.134.633.628)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(15.707.615.663)	149.522.424
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	7.182.369.596	2.022.938.262
Tiền lãi vay đã trả	13	(26.514.026.010)	(46.941.922.307)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.548.057.709)	(53.310.475)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	651.516.250	14.986.787.047
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.625.219.318)	(16.164.572.489)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(112.630.423.851)	128.050.908.359
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.990.180.746)	(78.762.888.513)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	320.019.985.545	448.300.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000)	(28.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	400.000.000	28.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.740.903.280	3.100.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.298.747.015	3.419.302.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	321.069.455.094	(71.795.286.157)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	977.624.497.551	1.179.592.035.391
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.159.355.388.735)	(1.232.822.449.457)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.000.000.000)	(2.426.044.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(209.730.891.184)	(55.656.458.866)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(1.291.859.941)	599.163.336
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3.239.218.629	2.640.055.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.601.986	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	1.960.960.674	3.239.218.629



ngai

nguy



NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

HỒ ĐẠNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2015 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3958/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các lần đăng ký thay đổi sau đó như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số Giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 VND và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Văn phòng và nhà máy của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (058) 3727 243
Email: detnhatrang@dng.vnn.vn

Fax: (058) 3727 227
Website: <http://www.detnhatrang.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc Công ty

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 54 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại TP. Hà Nội

Địa chỉ: 378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Hiện chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

Cửa hàng Centex

Địa chỉ: 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thanh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 3.325 người (31/12/2013: 3.124 người).

0300
CỔ
RÁCH
KIẾ
AFC V
7 - TT

Công ty con

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Trụ sở chính của KPI đặt tại số 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp; Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") và các quy định pháp lý hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang công bố vào ngày này. (Tỷ giá ngày 31/12/2014: 21.380 VND/USD).

448
NG
HIỆN
T C
IẾT
HỒ

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

195-C
TY
CHỨ HẠI
ÁN
NAM
CHÍNH

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí đồng phục, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ trong thời gian 24 – 36 tháng kể từ khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỉ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh sự đánh giá hiện tại của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

3.15 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: cổ phiếu do Công ty phát hành được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các khoản chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

3.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập khác

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.



Các bên có liên quan (tiếp theo)

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	Công ty con
Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	Cùng Công ty mẹ ("cùng Tập đoàn")
Công ty TNHH Một thành viên Sợi chỉ may Phong Phú	Cùng Công ty mẹ ("cùng Tập đoàn")
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam	Cùng Công ty mẹ ("cùng Tập đoàn")
Công ty cổ phần Vải thời trang Phong Phước	Cùng Công ty mẹ ("cùng Tập đoàn")
Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Cùng Công ty mẹ ("cùng Tập đoàn")
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Phước Lộc	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Đầu tư Phước Long	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Vinatex")	Công ty mẹ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú
Công ty Tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam	Cùng công ty mẹ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	Cùng công ty mẹ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

3004
CƠ
CH NH
KIỂM
C VI
TP.1

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	202.778.270	139.655.709
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.195.159.572	951.719.025
Tiền gửi ngân hàng - USD	562.944.382	2.147.765.445
Tiền gửi ngân hàng - EUR	78.450	78.450
	1.960.960.674	3.239.218.629

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	26.330,42	562.944.382
EUR	2,86	78.450

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<i>Cổ phiếu</i>				
Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB) (*)	503.300	10.245.333.720	661.680	13.469.317.000
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (PPH) (**)	-	-	493.222	5.516.920.000
Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
		20.245.333.720		28.986.237.000

Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 158.380 cổ phiếu EIB tương ứng giá trị khoản đầu tư là 3.223.983.280 VND.

(**) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.

4.3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	2014 VND	2013 VND
Số đầu năm	5.198.317.000	4.012.143.997
Trích lập trong năm	-	1.186.173.003
Hoàn nhập trong năm	(1.395.223.280)	-
Số cuối năm	<u>3.803.093.720</u>	<u>5.198.317.000</u>

Đây là khoản dự phòng giảm giá cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.

4.4 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	38.036.290.303	52.517.934.048
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	1.021.344.245	1.730.792.668
Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	864.902.256	864.902.256
Công ty TNHH Một thành viên Sợi chỉ may Phong Phú	-	1.569.813.334
Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	-	5.127.177.171
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Song Hoàng	-	4.116.304.217
Sanmar Corporation	26.315.220.659	14.330.305.217
Orchid Apparel, LLC	3.322.304.478	2.938.991.895
Sharda Europe SP. ZO.O.	-	1.393.759.307
Các khách hàng khác	3.117.690.125	4.400.968.920
	<u>72.677.752.066</u>	<u>88.990.949.033</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 1.386.226,62 USD tương đương 29.637.525.137 VND.

4.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	35.428.486.613	1.193.412.021
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	1.510.536.946	1.365.291.605
	<u>36.939.023.559</u>	<u>2.558.703.626</u>

4899
 CÔNG TY
 KẾ TOÁN
 TÀI CHÍNH
 VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu bảo hiểm xã hội	1.595.148.239	3.113.561.014
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuế tài chính	288.712.124	-
Phải thu khác	480.150.034	293.668.160
	<u>2.364.010.397</u>	<u>3.407.229.174</u>

4.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	2014 VND	2013 VND
Số đầu năm	2.187.293.337	880.934.762
Trích lập trong năm	-	1.306.358.575
Hoàn nhập trong năm	(10.285.013)	-
Số cuối năm	<u>2.177.008.324</u>	<u>2.187.293.337</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2014 như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	787.538.760	787.538.760
Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú	864.902.256	864.902.256
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	30.000.000	-
Các khoản nợ phải thu khác trên 3 năm	494.567.308	534.852.321
	<u>2.177.008.324</u>	<u>2.187.293.337</u>

4.8 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Hàng mua đang đi đường	417.431.205	736.681.608
Nguyên liệu, vật liệu	87.778.909.503	66.670.638.643
Công cụ, dụng cụ	2.940.950	4.661.284
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.327.073.924	55.631.110.704
Thành phẩm	71.382.907.568	80.102.837.946
Hàng hóa	1.718.108.206	1.303.048.123
	<u>217.655.681.156</u>	<u>204.448.978.306</u>

4.9 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí đồng phục	913.611.675	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.344.407	141.563.784
Chi phí sửa chữa	656.023.517	632.228.880
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	126.207.542	1.615.555
	<u>1.790.187.141</u>	<u>775.408.219</u>

4.10 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng nhân viên	64.000.000	17.800.000
	<u>64.000.000</u>	<u>17.800.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.11 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước tiền thuê tài sản	112.273.644.191	-
	112.273.644.191	-

Công ty thuê lại toàn bộ tài sản cố định đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú theo Hợp đồng thuê số 109/2014/PPC-NT ngày 26 tháng 5 năm 2014, bao gồm:

- Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc;
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam và thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3;
- Máy dệt kim thuộc Nhà máy dệt nhuộm; và
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và Nhà máy sợi 2.

Tổng giá trị tài sản thuê: 319.602.531.000 VND.

Tiền thuê: 1.848.066.125 VND/ tháng.

Thời hạn thuê từ ngày 01/04/2014 đến khi Công ty thanh toán đủ số tiền 319.602.531.000 VND.

4.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2014	144.324.730.809	755.388.716.546	13.943.748.203	2.801.268.269	108.960.000	916.567.423.827
Mua sắm trong năm	-	543.291.000	-	-	-	543.291.000
Tăng từ XDCB dở dang	2.807.642.537	11.254.771.229	-	-	-	14.062.413.766
Phân loại lại	-	-	-	(212.274.892)	-	(212.274.892)
Thanh lý	(68.373.399.184)	(296.732.050.136)	-	-	-	(365.105.449.320)
Vào ngày 31/12/2014	78.758.974.162	470.454.728.639	13.943.748.203	2.588.993.377	108.960.000	565.855.404.381
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2014	45.222.137.145	390.140.979.204	7.482.167.449	1.525.207.212	27.240.000	444.397.731.010
Khấu hao trong năm	3.922.100.849	25.878.061.471	948.657.888	303.079.253	10.896.000	31.062.795.461
Phân loại lại	-	-	-	(212.274.892)	-	(212.274.892)
Thanh lý	(3.929.099.982)	(41.648.321.252)	-	-	-	(45.577.421.234)
Vào ngày 31/12/2014	45.215.138.012	374.370.719.423	8.430.825.337	1.616.011.573	38.136.000	429.670.830.345
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2014	99.102.593.664	365.247.737.342	6.461.580.754	1.276.061.057	81.720.000	472.169.692.817
Vào ngày 31/12/2014	33.543.836.150	96.084.009.216	5.512.922.866	972.981.804	70.824.000	136.184.574.036
<i>Trong đó:</i>						
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	22.260.909	200.775.195.186	5.396.335.743	442.840.000	-	206.636.631.838

Một số tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng (Xem Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.13 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2014	-	-
Tăng trong năm	5.542.560.188	5.542.560.188
Vào ngày 31/12/2014	5.542.560.188	5.542.560.188
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2014	-	-
Khấu hao trong năm	338.712.024	338.712.024
Vào ngày 31/12/2014	338.712.024	338.712.024
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2014	-	-
Vào ngày 31/12/2014	5.203.848.164	5.203.848.164

Chi tiết hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("VCB Leasing") theo Hợp đồng cho thuê số 69.13.10/CTTC ngày 11/12/2013.

Tổng giá trị thuê:	5.886.045.000 VND (bao gồm thuế GTGT).
Tài sản thuê:	4 bộ máy nhuộm đồng bộ chính hãng Fongs.
Thời hạn thuê:	48 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/01/2018.
Lãi suất thuê:	10,7%/năm. Lãi suất thuê tài chính áp dụng tại thời điểm giải ngân lần đầu và các kỳ thay đổi lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VND do VCB Leasing công bố cộng biên độ giao động 0,2%/tháng.
Mục đích thuê:	phục vụ sản xuất kinh doanh.

4.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án đầu tư thay thế thiết bị nhà máy nhuộm	-	5.533.760.188
Chi phí xây dựng cơ bản các dự án khác	331.233.455	753.914.795
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.216.407.446	2.332.316.875
	1.547.640.901	8.619.991.858

4.15 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	4.362.000.000	4.362.000.000
	4.362.000.000	4.362.000.000

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trữ ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.16 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<i>Cổ phiếu</i>				
Công ty cổ phần Bông Tây Nguyên	2.688	266.915.000	2.688	266.915.000
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
		1.166.915.000		1.166.915.000

4.17 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.436.388.091	5.839.200.057
Chi phí trả trước dài hạn khác	292.167.231	763.210.332
	1.728.555.322	6.602.410.389

4.18 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ thuê tài chính	178.697.823	-
	178.697.823	-

4.19 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn - VND	168.644.071.404	163.367.543.168
Vay ngắn hạn - USD	98.376.573.516	76.666.531.045
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 4.25)	6.151.753.343	32.338.808.000
	273.172.398.263	272.372.882.213

Chi tiết vay và nợ ngắn hạn: xem Phụ lục 1.

4.20 Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	54.651.522.043	72.902.347.422
<i>Tổng Công ty cổ phần Phong Phú</i>	3.351.281.606	26.339.728.627
<i>Công ty cổ phần Phước Lộc</i>	1.420.540.000	2.535.526.400
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Phước Long</i>	-	21.458.051.227
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</i>	-	4.159.921.469
<i>Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa</i>	2.701.905.585	3.801.398.371
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dệt May 7</i>	30.177.858.693	-
<i>Các khách hàng khác</i>	16.999.936.159	14.607.720.928
Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản	3.982.983.618	1.277.255.474
	58.634.505.661	74.179.602.896

4.21 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	<u>7.094.873</u>	<u>-</u>

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.089.210.135	324.744.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.549.016.115	1.531.893.538
Thuế thu nhập cá nhân	100.136.134	126.621.309
	<u>5.738.362.384</u>	<u>1.983.259.100</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Bông thồ chưa qua chế biến	5%
- Các sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh 3.18 và thuyết minh 5.9.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.22 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí điện tháng 12	2.299.429.406	-
Chi phí lãi vay phải trả	546.672.644	791.702.611
Chi phí khác	150.000.000	133.641.472
	<u>2.996.102.050</u>	<u>925.344.083</u>

1995
 TY
 HUUHU
 TAN
 NAM
 CHINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.23 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	1.282.191.073	596.775.708
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.234.936.076	760.302.875
Tiền ăn ca của nhân viên	-	2.397.353.405
Các khoản phải trả, phải nộp khác	702.842.290	597.593.330
	<u>3.219.969.439</u>	<u>4.352.025.318</u>

4.24 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ khen thưởng	111.745.274	327.178.223
Quỹ phúc lợi	1.068.697.596	1.098.263.414
	<u>1.180.442.870</u>	<u>1.425.441.637</u>

Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.425.441.637	2.112.339.374
Trích lập trong năm	2.107.653.725	2.220.251.298
Thu trong năm	40.621.500	2.840.000
Chi trong năm	(2.393.273.992)	(2.909.989.035)
Số dư cuối năm	<u>1.180.442.870</u>	<u>1.425.441.637</u>

4.25 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn	11.123.253.347	225.199.058.609
Nợ dài hạn	3.175.833.337	-
Trừ:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(6.151.753.343)	(32.338.808.000)
	<u>8.147.333.341</u>	<u>192.860.250.609</u>

Chi tiết vay và nợ dài hạn: xem Phụ lục 2.



CÔNG TY CỔ PHẦN DET - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.26 **Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

4.26.1 **Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	185.000.000.000	(11.015.000.000)	11.974.036.900	41.626.759	8.224.961.576	194.225.625.235
Lãi trong năm	-	-	-	-	41.188.653.725	41.188.653.725
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.220.251.298)	(2.220.251.298)
Thường cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(254.000.000)	(254.000.000)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	-	-	-	2.332.171.285	2.332.171.285
Số dư tại ngày 31/12/2013	185.000.000.000	(11.015.000.000)	11.974.036.900	41.626.759	49.271.535.288	235.272.198.947
Số dư tại ngày 01/01/2014	185.000.000.000	(11.015.000.000)	11.974.036.900	41.626.759	49.271.535.288	235.272.198.947
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.841.419.067	27.841.419.067
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.107.653.725)	(2.107.653.725)
Thường cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.081.000.000)	(1.081.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	185.000.000.000	(11.015.000.000)	21.974.036.900	41.626.759	35.924.300.630	231.924.964.289

4.26.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200237973 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp:

Vốn điều lệ:	185.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.500.000	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:	Số cổ phần	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Cổ đông			
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	13.614.375	136.143.750.000	73,59
Các cổ đông khác	3.885.625	38.856.250.000	21,00
Cổ phiếu quỹ	1.000.000	10.000.000.000	5,41
	18.500.000	185.000.000.000	100,00

4.26.3 Cổ phiếu quỹ

Theo Nghị quyết số 143/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng quản trị về việc mua lại 1.000.000 cổ phiếu của Công ty để làm cổ phiếu quỹ, Công ty đã hoàn tất việc mua số cổ phiếu này theo phương thức giao dịch thỏa thuận trong năm 2011.

4.26.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 47/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2014 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013, lợi nhuận được phân phối như sau:

	Tỷ lệ %	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5,12	2.107.653.725
Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát	2,62	1.081.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	24,28	10.000.000.000
Chia cổ tức	67,98	28.000.000.000
		41.188.653.725

4.26.5 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2014 VND	2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	185.000.000.000	185.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	185.000.000.000	185.000.000.000
Trừ: Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	175.000.000.000	175.000.000.000
Đã chi trả cổ tức bằng tiền	28.000.000.000	
Trong đó:		
+ Chi cổ tức của năm 2012	-	2.426.044.800
+ Chi cổ tức của năm 2013	28.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.26.6 Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 3 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức 2013 bằng tiền với tỷ lệ 16%/cổ phần, tương đương số tiền 28.000.000.000 VND. Số cổ tức này được thanh toán toàn bộ trong năm 2014.

4.26.7 Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.500.000	17.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	17.500.000	17.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu - thành phẩm	1.168.912.275.605	1.221.783.322.252
Doanh thu - hàng hóa, vật tư thu hồi và dịch vụ	185.978.763.593	82.890.864.048
	1.354.891.039.198	1.304.674.186.300
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(149.606.489)	(8.445.455)
	(149.606.489)	(8.445.455)
Doanh thu thuần	1.354.741.432.709	1.304.665.740.845

5.2 Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn - thành phẩm	1.106.759.219.834	1.117.537.606.117
Giá vốn - hàng hóa, vật tư thu hồi và dịch vụ	151.871.607.211	49.413.698.729
	1.258.630.827.045	1.166.951.304.846

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	132.783.795	704.154.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.048.625.000	2.025.804.000
Lãi do chuyển nhượng chứng khoán	2.966.498.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.631.161.069	2.069.305.540
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	42.077.059
Doanh thu tài chính khác	-	58.575.697
	6.779.068.264	4.899.916.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	26.268.996.043	46.756.457.477
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	849.160.180	971.200.000
Dự phòng, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.395.223.280)	1.186.173.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.570.544.285	3.207.298.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	822.303.932	-
Chi phí tài chính khác	1.836.740	14.319.437
	29.117.617.900	52.135.448.293

5.5 Chi phí bán hàng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	2.442.837.898	1.435.104.980
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	141.828.925	14.091.661
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.566.666	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.802.198.633	5.167.347.755
Chi phí khác bằng tiền	1.410.582.442	2.219.495.712
	8.800.014.564	8.836.040.108

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	15.394.640.460	17.867.146.025
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	883.503.877	97.875.589
Chi phí khấu hao TSCĐ	993.970.518	1.303.792.048
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.285.013)	1.306.358.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	728.792.452	2.899.537.992
Chi phí khác bằng tiền	12.309.111.158	12.732.683.116
	30.299.733.452	36.207.393.345

5.7 Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu thanh lý TSCĐ	320.019.985.545	448.300.000
Thu nhập khác	19.586.132	125.534.293
	320.039.571.677	573.834.293

5.8 Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý	319.528.028.086	302.685.562
Thuế truy thu, nộp phạt	1.549.510	96.437.795
Chi phí khác	879.165.316	4.591.899
	320.408.742.912	403.715.256

10044
CÔNG
CHUYÊN
TỔNG TI
VIỆT
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đầu tư dự án thuộc ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi và sử dụng nhiều lao động. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% cho hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ năm 2007 đến năm 2016, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2013).

Các khoản thu nhập khác từ hoạt động khác của Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.303.136.777	45.605.589.942
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	611.989.665	947.527.309
Chi phí không được trừ	611.989.665	877.312.691
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	70.214.618
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.089.225.011)	(2.038.880.178)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.048.625.000)	(2.025.804.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(40.600.011)	(13.076.178)
Tổng thu nhập chịu thuế	32.825.901.431	44.514.237.073
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	7.221.698.315	11.128.559.268
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất phổ thông	(656.518.029)	(2.225.711.854)
Thuế TNDN được miễn, giảm trong năm tính thuế theo quy định của Luật thuế TNDN	-	(4.451.423.707)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.565.180.286	4.451.423.707

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2014 VND	2013 VND
Chi phí trả trước dài hạn	92.437.621	30.812.506
Hao mòn TSCĐ hữu hình	11.024.955	3.674.984
	103.462.576	34.487.490

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2014 VND	2013 VND
Số đầu năm	34.487.490	-
Trích lập trong năm	103.462.576	34.487.490
Hoàn nhập	-	-
Số cuối năm	137.950.066	34.487.490

1993
TY
HỮU
'ÁN
NAM
CHÍ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	27.841.419.067	41.188.653.725
<i>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	27.841.419.067	41.188.653.725
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	17.500.000	17.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.591	2.354
	2014	2013
Cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	17.500.000	17.500.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.500.000	17.500.000

5.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	687.595.768.474	801.209.103.793
Chi phí nhân công	163.900.939.264	170.875.849.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.401.507.485	44.201.780.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.014.374.473	101.376.232.106
Chi phí khác bằng tiền	121.847.920.114	92.645.731.393
	1.118.760.509.810	1.210.308.697.048

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại tệ.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (chủ yếu bằng VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lời với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty chủ yếu cho các bên liên quan vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung độ rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Các khoản vay và nợ	273.172.398.263	8.147.333.341	-	281.319.731.604
Phải trả người bán	58.634.505.661	-	-	58.634.505.661
Chi phí phải trả	2.996.102.050	-	-	2.996.102.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	702.842.290	-	-	702.842.290
	335.505.848.264	8.147.333.341	-	343.653.181.605
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	272.372.882.213	132.494.437.702	60.365.812.907	465.233.132.822
Phải trả người bán	74.179.602.896	-	-	74.179.602.896
Chi phí phải trả	925.344.083	-	-	925.344.083
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.352.025.318	-	-	4.352.025.318
	351.829.854.510	132.494.437.702	60.365.812.907	544.690.105.119

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	70.680.458.729	87.023.655.696	70.680.458.729	87.023.655.696
<i>Phải thu khác</i>	300.435.047	3.187.229.174	300.435.047	3.187.229.174
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	178.697.823	-	178.697.823	-
<i>Cho vay và các đầu tư ngắn hạn</i>	16.442.240.000	23.787.920.000	16.442.240.000	23.787.920.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.960.960.674	3.239.218.629	1.960.960.674	3.239.218.629
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	1.166.915.000	1.166.915.000	1.166.915.000	1.166.915.000
Tổng cộng	90.729.707.273	118.404.938.499	90.729.707.273	118.404.938.499



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	281.319.731.604	465.233.132.822	281.319.731.604	465.233.132.822
Phải trả người bán	58.634.505.661	74.179.602.896	58.634.505.661	74.179.602.896
Chi phí phải trả	2.996.102.050	925.344.083	2.996.102.050	925.344.083
Các khoản phải trả, phải nộp khác	702.842.290	4.352.025.318	702.842.290	4.352.025.318
Tổng cộng	343.653.181.605	544.690.105.119	343.653.181.605	544.690.105.119

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp hàng tồn kho bao gồm thành phẩm và các vật tư; máy móc thiết bị và giá trị cổ phiếu của mình cho các khoản vay (Xem Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, tiền thưởng	1.509.337.385	1.497.752.752
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	660.000.000	914.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	2014 VND	2013 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	557.642.061.121	238.687.677.128
Bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.023.673.662.513	848.081.473.568
Bán tài sản cho Công ty mẹ	351.562.784.100	-
Thuê tài sản của Công ty mẹ	11.947.153.681	-
Cho Công ty mẹ thuê tài sản	6.098.618.214	-
Cổ tức phải trả	21.783.000.000	-
Cổ tức nhận được do đầu tư vào Công ty mẹ	739.833.000	180.000.000
Nhận nợ phải trả từ Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	897.283.296	-
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú		
Cho thuê mặt bằng	60.000.000	-
Cho vay	400.000.000	-
Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú		
Mua hàng hóa	897.283.296	27.364.765.434
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	28.439.305.012
Trả cổ tức	-	384.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sợi chỉ may Phong Phú		
Mua hàng hóa	-	9.998.204.641
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	5.901.827.662
Bán tài sản cố định	-	264.000.000
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam		
Mua hàng hóa	20.489.141.867	53.771.728.304
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	5.558.951.543
Cho vay vốn	-	20.000.000.000
Lãi cho vay vốn	-	559.861.111
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán hàng hóa và thành phẩm	8.026.105.433	16.314.109.155
Công ty cổ phần Phước Lộc		
Mua hàng hóa	11.579.427.200	13.094.078.250
Cổ tức phải trả	864.000.000	480.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phước Long		
Mua hàng hóa	164.196.665.965	331.600.887.317
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	345.460.744
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Mua hàng hóa	21.323.429.593	23.484.496.379
Bán hàng hóa và thành phẩm	25.524.211.016	-
Công ty cổ phần Xúc tiến TM & ĐT Phong Phú		
Cổ tức phải trả	90.000.000	198.000.000

48995
 IG TY
 IEM HUI
 TOA
 IET N
 HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty liên quan	2014 VND	2013 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam Chuyển nhượng cổ phiếu đầu tư của Công ty mẹ	8.483.418.400	-
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương Bán hàng hóa và thành phẩm	5.250.310.170	-
Công ty Tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam Vay ngắn hạn trong năm Lãi vay ngắn hạn	35.896.914.412 2.234.713.963	84.188.466.272 3.698.659.657
Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:		
Công ty liên quan/ Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Phải trả về mua bán hàng hóa Ứng trước tiền thuê tài sản	38.036.290.303 (3.351.281.610) 112.273.644.191	53.517.934.048 (26.339.728.627) -
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.021.344.245	1.730.792.668
Công ty cổ phần Đầu tư Phước Long Phải trả về mua bán hàng hóa	-	(21.458.051.227)
Công ty cổ phần Phước Lộc Phải trả về mua bán hàng hóa	(1.420.540.000)	(2.535.526.400)
Công ty TNHH Một thành viên Sợi chỉ may Phong Phú Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.569.813.334
Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	5.127.177.171
Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	864.902.256	864.902.256
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Phải trả về mua bán hàng hóa Ứng tiền hàng	- 35.000.000.000	(4.159.921.869) -
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú Phải thu tiền cho thuê mặt bằng	90.000.000	60.000.000
Công ty Tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam Nợ gốc vay Lãi vay	(11.653.315.674) (73.083.891)	(23.186.170.062) (224.813.540)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.3 Cam kết về thuê tài sản

Công ty thuê lại toàn bộ tài sản cố định đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú theo hợp đồng thuê số 109/2014/PPC-NT ngày 26 tháng 5 năm 2014, bao gồm:

- Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc;
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam và thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3;
- Máy dệt kim thuộc Nhà máy dệt nhuộm; và
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và Nhà máy sợi 2.

Tổng giá trị tài sản thuê: 319.602.531.000 VND.

Tiền thuê: 1.848.066.125 VND/ tháng.


Thời hạn thuê từ ngày 01/04/2014 đến khi Công ty thanh toán đủ số tiền 319.602.531.000 VND.

7.4 Cam kết về góp vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản cam kết góp vốn đầu tư như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp của Công ty		
		Số tiền	Tỷ lệ %	Cam kết góp vốn tại 31/12/2014
	VND	VND		VND
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	30.000.000.000	1.500.000.000	5,00	600.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	34.000.000.000	20.000.000.000	58,82	15.538.000.000
	64.000.000.000	21.500.000.000		16.238.000.000


 NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
 Người lập biểu


 HỒ ĐĂNG NHƯ DUYÊN
 Kế toán trưởng


 VÕ ĐÌNH HÙNG
 Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 1: Vay và nợ ngắn hạn

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vay và nợ ngắn hạn:

	Tại ngày 01/01/2014	Số tiền vay/ Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Thanh toán trong năm	Đánh giá lại nợ có gốc ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn – VND					
VCB Nha Trang	112.138.808.934	437.851.455.402	(483.449.122.262)	-	66.541.142.074
ABB Khánh Hòa	2.828.986.292	8.711.469.640	(9.137.349.210)	-	2.403.106.722
MB Khánh Hòa	21.615.732.606	126.589.806.971	(106.295.407.352)	-	41.910.132.225
HSBC Việt Nam	6.956.218.149	15.569.820.291	(22.526.038.440)	-	-
BIDV Khánh Hòa	4.949.119.480	95.801.819.309	(54.614.564.080)	-	46.136.374.709
Tài chính Đệt May	14.878.677.707	37.856.144.412	(41.081.506.445)	-	11.653.315.674
	163.367.543.168	722.380.516.025	(717.103.987.789)	-	168.644.071.404
Vay ngắn hạn – USD					
VCB Nha Trang	70.047.490.959	248.747.631.526	(221.233.208.350)	814.659.381	98.376.573.516
BIDV Khánh Hòa	4.991.705.641	-	(4.991.705.641)	-	-
MSB Khánh Hòa	1.627.334.445	-	(1.627.334.445)	-	-
	76.666.531.045	248.747.631.526	(227.852.248.436)	814.659.381	98.376.573.516
	240.034.074.213	971.128.147.551	(944.956.236.225)	814.659.381	267.020.644.920
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					
VCB Nha Trang	23.850.120.000	2.621.440.000	(23.848.200.000)	-	2.623.360.000
ABB Khánh Hòa	4.925.000.000	1.293.750.000	(4.925.000.000)	-	1.293.750.000
BIDV Khánh Hòa	1.248.000.000	1.204.643.347	(1.248.000.000)	-	1.204.643.347
Tài chính Đệt May	2.315.688.000	-	(2.315.688.000)	-	-
VCB Leasing	-	1.029.999.996	-	-	1.029.999.996
	32.338.808.000	6.149.833.343	(32.336.888.000)	-	6.151.753.343
	272.372.882.213	977.277.980.894	(977.293.124.225)	814.659.381	273.172.398.263



Thông tin chính về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang (“VCB Nha Trang”)

Hợp đồng hạn mức: 2014/HĐHM-DM ngày 05/11/2014.

Hạn mức: 270.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Lãi suất: Đối với khoản vay VND là 6,1%/năm.

Đối với khoản vay USD là 3%/năm.

Lãi suất vay thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn tương ứng với từng loại tiền nhân nợ theo thông báo công bố lãi suất của VCB Nha Trang tại từng thời điểm nhân nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà và một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 164.917.715.590 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Khánh Hoà (“ABB Khánh Hoà”)

Hợp đồng hạn mức: 2165/14/TD/MI ngày 29/12/2014.

Hạn mức: 20.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng, thời hạn cho vay từng lần không quá 6 tháng.

Lãi suất: 9%/năm.

Lãi suất vay thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của ABB Khánh Hoà tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng.

Hàng tồn kho luân chuyển kèm theo Cam kết đền bù bảo hiểm ba bên;

Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro phụ.

Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.403.106.722 VND.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hoà (“MB Khánh Hoà”)

Hợp đồng hạn mức: 565.14.800.697393.TD ngày 24/06/2014.

Hạn mức: 80.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng, thời hạn cho vay từng lần không quá 6 tháng.

Lãi suất: 6%/năm.

Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh theo thông báo của MB Khánh Hoà.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm thành phẩm và các vật tư, phụ liệu; tài sản cố định hữu hình của Công ty là 2 máy đánh ống tự động Murata và 6 xe ô tô; và giá trị cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang thuộc sở hữu Công ty.

Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 41.910.132.225 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG
Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 1: Vay và nợ ngắn hạn

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam")	
Hợp đồng hạn mức:	01/2014/4774139/HĐTĐ ngày 31/08/2014
Hạn mức:	1.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND hoặc ngoại tệ khác.
Mục đích:	Thanh toán tiền mua nguyên liệu và tài trợ cho hoạt động xuất khẩu theo phương thức chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C.
Thời hạn vay:	12 tháng, thời hạn cho vay từng lần tối đa là 04 tháng.
Lãi suất:	6,5%/năm.
	Lãi suất cho vay được tính dựa trên lãi suất cho vay cơ bản bằng USD hoặc VND hoặc ngoại tệ khác của thời hạn vay tương ứng cộng 1,75%/năm.
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho bình quân của Công ty.
(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hoà ("BIDV Khánh Hoà")	
Hợp đồng hạn mức:	01/2014/4774139/HĐTĐ ngày 31/08/2014
Hạn mức:	100.000.000 VND.
Mục đích:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay:	12 tháng, thời hạn vay từng lần được quy định cụ thể trên kế ước nhận nợ.
Lãi suất:	6%/năm.
	Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Khánh Hoà trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo:	Máy móc thiết bị nhà máy sợi 1, sợi 2 và nhà máy may 4 và 9 xe ô tô; Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 46.136.374.709 VND.	
(f) Khoản vay Công ty Tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("Tài chính Dệt May")	
Hợp đồng hạn mức:	03/2014/HEKT-NH ngày 16/05/2014
Hạn mức:	35.000.000 VND.
Mục đích:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay:	12 tháng, thời hạn vay do hai bên thoả thuận được thể hiện trên Kế ước nhận nợ.
Lãi suất:	7,2%/năm.
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay theo hạn mức không đảm bảo bằng tài sản.
Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 11.653.315.674 VND.	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 2: Vay và nợ dài hạn

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vay và nợ dài hạn:

	Tại ngày 01/01/2014	Số tiền vay/ nợ trong năm	Thanh toán trong năm	Đánh giá lại nợ có gốc ngoại tệ VND	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
VCB Nha Trang	173.170.052.907	6.496.350.000	(171.091.547.907)	48.085.000	(2.621.440.000)	6.001.500.000
ABB Khánh Hòa	12.493.750.000	-	(11.200.000.000)	-	(1.293.750.000)	-
BIDV Khánh Hòa	1.204.643.347	-	-	-	(1.204.643.347)	-
Tài chính Dệt May	5.991.804.355	-	(5.991.804.355)	-	-	-
Nợ dài hạn						
VCB Leasing	-	5.886.045.000	(2.710.211.663)	-	(1.029.999.996)	2.145.833.341
	192.860.250.609	12.382.395.000	(190.993.563.925)	48.085.000	(6.149.833.343)	8.147.333.341

Trong đó:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang (“VCB Nha Trang”), bao gồm

Hợp đồng hạn mức: 0114/DA-DM ngày 08/08/2014

Hạn mức: 165.000 USD

Mục đích: Bổ sung vốn thanh toán tiền nhập khẩu 15 máy dệt kim phẳng.

Thời hạn vay: 48 tháng.

Lãi suất: 5,5%/năm.

Lãi suất vay thả nổi và được xác định theo thông báo công bố lãi suất của VCB Nha Trang tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Thế chấp 15 máy dệt kim phẳng KH-323DJ-60x14G mới 100% trị giá 235.500 USD tương đương 5.000.000.000 VND.

Tài sản đảm bảo: 0214/DA-DM ngày 01/10/2014

Hợp đồng hạn mức: 3.000.000.000 VND.

Hạn mức: Hoàn 1 phần vốn đã thanh toán mua 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm.

Mục đích: 48 tháng.

Thời hạn vay: 5,5%/năm.

Lãi suất: Lãi suất vay thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn tương ứng với từng loại tiền nhận nợ theo thông báo công bố lãi suất của VCB Nha Trang tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Thế chấp 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm trị giá 4.077.000.000 VND.

Tài sản đảm bảo:

Phụ lục 2: Vay và nợ dài hạn

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hợp đồng hạn mức:	0112/DA-DM
Hạn mức:	3.956.000.000 VND.
Mục đích:	Thanh toán tiền nhập khẩu thiết bị thuộc dự án đầu tư 4 máy ghép Autoleveller.
Thời hạn vay:	48 tháng.
Lãi suất:	5,5%/năm.
Tài sản đảm bảo:	Lãi suất vay thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn tương ứng với từng loại tiền nhận nợ theo thông báo công bố lãi suất của VCB Nha Trang tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư 4 máy ghép Autoleveller của công ty và toàn bộ máy móc và toàn bộ tài sản trên đất hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án Nhà máy sợi 4 vạn cọc tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.
(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Khánh Hoà ("ABB Khánh Hoà")	
Hợp đồng hạn mức:	0184/10/TĐMII.
Mục đích:	Đầu tư mua máy móc thiết bị nhập khẩu là mua 3 máy đánh ống tự động.
Thời hạn vay:	48 tháng
Lãi suất:	12,5%/năm.
Tài sản đảm bảo:	Lãi suất vay thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hoà ("BIDV Khánh Hoà")	
Mục đích:	Đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy may 4 cụ thể là cải tạo nhà xưởng đầu tư đồng bộ 4 chuyên may mới.
Thời hạn vay:	48 tháng.
Lãi suất:	12%/năm.
Tài sản đảm bảo:	Lãi suất vay thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.
(d) Khoản thuế tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("VCB Leasing")	
Tổng giá trị thuế:	5.886.045.000 VND (bao gồm thuế GTGT).
Tài sản thuế:	4 bộ máy nhuộm đồng bộ chính hãng Fongs.
Thời hạn thuế:	48 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/01/2018.
Lãi suất thuế:	10,7%/năm
Mục đích thuế:	Lãi suất thuế tài chính áp dụng tại thời điểm giải ngân lần đầu và các kỳ thay đổi lãi suất thuế tài chính cơ bản bằng VND do VCB Leasing công bố công biến độ giao động 0,2%/tháng phục vụ sản xuất kinh doanh.